

Số: /QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung dự toán cho các cơ quan, đơn vị kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2024 của tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung dự toán cho các cơ quan, đơn vị kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao;

Căn cứ Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung, điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bố trí các Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh trung học phổ thông năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 904/QĐ-SGDĐT ngày 01/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao hợp đồng lao động đối với 14 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 961/QĐ-SGDĐT ngày 13/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và hợp đồng hỗ trợ, phục vụ cho 37 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung **12.341.675.000 đồng** (bằng chữ: Mười hai tỷ, ba trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo bao gồm:

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh): 3.397.475.000 đồng;

2. Kinh phí mua trang thiết bị làm việc; phương tiện phục vụ công tác; mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu; bổ sung biên chế, hợp đồng lao động ngành giáo dục (Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh): 8.271.000.000 đồng;

3. Kinh phí thực hiện một số mục tiêu, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm trong thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh (Quyết định 2082/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh): 73.200.000 đồng;

4. Kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2024 (Quyết định 940/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh): 600.000.000 đồng

(Biểu chi tiết kèm theo Quyết định).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 được giao, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện phân khai kinh phí theo đúng mục đích, chế độ, chính sách hiện hành. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và quyết toán ngân sách theo đúng quy định của luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế quyết định số 959/QĐ-SGDĐT ngày 12/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 và các tập thể, cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh (huyện, thị xã, thành phố);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC₇.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thúy

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1043487-422-340-341- 864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	5.117.630.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	5.117.630.000
1.1 Chi quản lý hành chính	
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	
- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/22022 của Chính phủ	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	5.117.630.000
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.117.630.000
- Hoạt động chuyên môn	1.771.430.000
- Tập huấn cho giáo viên chương trình GDPT mới	1.009.000.000

- Kinh phí thực hiện một số mục tiêu, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm trong thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh (Giao theo Quyết định 2082/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)	73.200.000
- Kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2024 (Giao theo Quyết định 940/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)	600.000.000
- Kinh phí bổ sung phương tiện phục vụ công tác cho các cơ quan, địa phương (Giao theo Quyết định 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)	1.664.000.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Cẩm Phả
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1042607-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2813

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	51.223.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	51.223.000
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	51.223.000
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	51.223.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	51.223.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Đông Thành
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1060738-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2817

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	89.778.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	89.778.000
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	89.778.000
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	89.778.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	89.778.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hoàng Hoa Thám

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1045572-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2815

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	75.673.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	75.673.000
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	75.673.000
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	75.673.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	75.673.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Ngô Quyền
Mã số DV- C-L-K-NVC: 1038341-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	73.927.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	73.927.000
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	73.927.000
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	73.927.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	73.927.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học phổ thông chuyên Hạ Long

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038346-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	1.045.054.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	1.045.054.000
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	1.045.054.000
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	681.000.000
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	364.054.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	83.654.000
- Kinh phí bổ sung số lượng hợp đồng lao động cho các cơ sở giáo dục phổ thông công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Giao theo Quyết định 904/QĐ-SGDĐT ngày 01/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh)	280.400.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Trần Phú

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1040581-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2818

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	52.767.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	52.767.000
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	52.767.000
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	52.767.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	52.767.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Ung Bí
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1008146-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2812

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	83.378.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	83.378.000
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	83.378.000
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	83.378.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	83.378.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Tiên Yên
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1060777-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2814

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	376.663.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	376.663.000
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	376.663.000
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	200.300.000
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	176.363.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	56.163.000
- Kinh phí bổ sung số lượng hợp đồng lao động cho các cơ sở giáo dục phổ thông công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Giao theo Quyết định 904/QĐ-SGDĐT ngày 01/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh)	120.200.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hải Đảo

Mã số DV- C-L-K-NVC: 1041365-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2822

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	491.132.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	491.132.000
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	491.132.000
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	280.400.000
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	210.732.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	50.482.000
- Kinh phí bổ sung số lượng hợp đồng lao động cho các cơ sở giáo dục phổ thông công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Giao theo Quyết định 904/QĐ-SGDĐT ngày 01//8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh)	160.250.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Quảng La

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1032463-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	200.200.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	200.200.000
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	200.200.000
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	80.000.000
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	120.200.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	
- Kinh phí bổ sung số lượng hợp đồng lao động cho các cơ sở giáo dục phổ thông công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Giao theo Quyết định 904/QĐ-SGDĐT ngày 01//8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh)	120.200.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Quan Lạn

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1032556-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2822

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	200.200.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	200.200.000
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	200.200.000
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	80.000.000
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	120.200.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	
- Kinh phí bổ sung số lượng hợp đồng lao động cho các cơ sở giáo dục phổ thông công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Giao theo Quyết định 904/QĐ-SGDĐT ngày 01/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh)	120.200.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Hoàn Mỹ

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1083045-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2819

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	360.550.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	360.550.000
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	360.550.000
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	200.300.000
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	160.250.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	
- Kinh phí bổ sung số lượng hợp đồng lao động cho các cơ sở giáo dục phổ thông công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Giao theo Quyết định 904/QĐ-SGDĐT ngày 01/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh)	160.250.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Cô Tô

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1061364-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2823

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	120.100.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	120.100.000
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	120.100.000
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	80.000.000
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	40.100.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	
- Kinh phí bổ sung số lượng hợp đồng lao động cho các cơ sở giáo dục phổ thông công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Giao theo Quyết định 904/QĐ-SGDĐT ngày 01//8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh)	40.100.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Bình Liêu

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038352-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2819

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	240.400.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	240.400.000
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	240.400.000
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	120.200.000
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	120.200.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	
- Kinh phí bổ sung số lượng hợp đồng lao động cho các cơ sở giáo dục phổ thông công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Giao theo Quyết định 904/QĐ-SGDĐT ngày 01//8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh)	120.200.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Ba Chẽ

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1042611-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2816

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	360.500.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	360.500.000
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	360.500.000
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	240.300.000
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	120.200.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	
- Kinh phí bổ sung số lượng hợp đồng lao động cho các cơ sở giáo dục phổ thông công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Giao theo Quyết định 904/QĐ-SGDĐT ngày 01/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh)	120.200.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

**Đơn vị: Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và
trung học phổ thông Tiên Yên**

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038181-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2814

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	240.300.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	240.300.000
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	240.300.000
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	160.200.000
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	80.100.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	
- Kinh phí bổ sung số lượng hợp đồng lao động cho các cơ sở giáo dục phổ thông công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Giao theo Quyết định 904/QĐ-SGDĐT ngày 01//8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh)	80.100.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Hải Đông

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1032557-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2814

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	721.000.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	721.000.000
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	721.000.000
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	480.700.000
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	240.300.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	
- Kinh phí bổ sung số lượng hợp đồng lao động cho các cơ sở giáo dục phổ thông công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Giao theo Quyết định 904/QĐ-SGDĐT ngày 01//8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh)	240.300.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Đường Hoa Cường

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1021834-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2821

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	200.300.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	200.300.000
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	200.300.000
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	40.100.000
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	160.200.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	
- Kinh phí bổ sung số lượng hợp đồng lao động cho các cơ sở giáo dục phổ thông công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Giao theo Quyết định 904/QĐ-SGDĐT ngày 01//8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh)	160.200.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Đầm Hà

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1064535-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2825

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	320.400.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	320.400.000
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	320.400.000
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	160.200.000
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	160.200.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	
- Kinh phí bổ sung số lượng hợp đồng lao động cho các cơ sở giáo dục phổ thông công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Giao theo Quyết định 904/QĐ-SGDĐT ngày 01//8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh)	160.200.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1007434-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	1.920.500.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	1.920.500.000
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	1.920.500.000
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	200.300.000
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.720.200.000
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2024	
- Kinh phí bổ sung số lượng hợp đồng lao động cho các cơ sở giáo dục phổ thông công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Giao theo Quyết định 904/QĐ-SGDĐT ngày 01//8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh)	120.200.000
- Kinh phí bổ sung phương tiện phục vụ công tác cho các cơ quan, địa phương (đợt 1) (Giao theo Quyết định 2142/QĐ-SGDĐT ngày 23//7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)	1.600.000.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán giao theo Quyết định 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh	Kinh phí đã phân bổ tại QĐ số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở GDĐT	Kinh phí phân bổ đợt 2 Theo Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh	Kinh phí phân bổ theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh	Kinh phí phân bổ theo Quyết định số 2082/QĐUBN D ngày 17/7/2024 của UBND tỉnh	Kinh phí phân bổ theo Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí						
1. Số thu phí, lệ phí	75.647.800.000	75.647.800.000				
- Học phí	74.447.800.000	74.447.800.000				
- Thu khác	1.200.000.000	1.200.000.000				
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	75.647.800.000	75.647.800.000				
- Học phí	74.447.800.000	74.447.800.000				
- Thu khác	1.200.000.000	1.200.000.000				
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN						
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	514.091.000.000	510.693.525.000	3.397.475.000	8.271.000.000	73.200.000	600.000.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	521.167.000.000	517.769.525.000	3.397.475.000	8.271.000.000	73.200.000	600.000.000
1.1 Chi quản lý hành chính	11.640.000.000	11.640.000.000				

<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	11.281.000.000	11.281.000.000				
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	359.000.000	359.000.000				
- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	359.000.000	359.000.000				
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	509.142.000.000	505.744.525.000	3.397.475.000	8.271.000.000	73.200.000	600.000.000
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	332.934.000.000	332.934.000.000		3.004.000.000		
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	176.208.000.000	172.810.525.000	3.397.475.000	5.267.000.000	73.200.000	600.000.000
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	24.136.000.000	24.136.000.000				
- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	16.262.000.000	16.262.000.000				
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	5.810.000.000	5.810.000.000				
- Khen thưởng toàn ngành	7.504.000.000	7.504.000.000				
- Hoạt động chuyên môn	21.794.475.000	19.406.000.000	2.388.475.000			
- Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia	1.943.000.000	1.943.000.000				
- Hội khoẻ Phù đổng	10.977.000.000	10.977.000.000				

- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	9.428.000.000	9.428.000.000				
- Tập huấn cho giáo viên chương trình GDPT mới	1.784.000.000	775.000.000	1.009.000.000			
Thực hiện Nghị quyết quy định chế độ thưởng, hỗ trợ công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tỉnh Quảng Ninh và một số chính sách ưu đãi đối với Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 (Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)	14.889.000.000	14.889.000.000				
Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc	22.618.000.000	22.618.000.000				
Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	37.071.525.000	37.071.525.000				
- Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	88.000.000	88.000.000				
- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	1.903.000.000	1.903.000.000		2.003.000.000		
- Kinh phí bổ sung phương tiện phục vụ công tác cho các cơ quan, địa phương (đợt1)				3.264.000.000		

- Kinh phí thực hiện một số mục tiêu, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm trong thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh					73.200.000	
- Kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2024						600.000.000
1.3 Chi đảm bảo xã hội	385.000.000	385.000.000				
- Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025	46.000.000	46.000.000				
- Chương trình phòng chống tệ nạn xã hội (Nghị quyết số 314/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020)	251.000.000	251.000.000				
- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh)	88.000.000	88.000.000				
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	7.076.000.000	7.076.000.000				

NỘI DUNG	Chi tiết các đơn vị							
	Cơ quan sở Giáo dục	Trường THPT Cẩm Phả	Trường THPT Đông Thành	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Trường THPT Ngô Quyền	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Trường THPT Trần Phú	Trường THPT Uông Bí
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí								
1. Số thu phí, lệ phí								
- Học phí								
- Thu khác								
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)								
- Học phí								
- Thu khác								
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN								
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	5.117.630.000	51.223.000	89.778.000	75.673.000	73.927.000	1.045.054.000	52.767.000	83.378.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	5.117.630.000	51.223.000	89.778.000	75.673.000	73.927.000	1.045.054.000	52.767.000	83.378.000
1.1 Chi quản lý hành chính								
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>								
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>								

- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/22022 của Chính phủ								
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	5.117.630.000	51.223.000	89.778.000	75.673.000	73.927.000	1.045.054.000	52.767.000	83.378.000
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>						681.000.000		
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	5.117.630.000	51.223.000	89.778.000	75.673.000	73.927.000	364.054.000	52.767.000	83.378.000
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú								
- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT								
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật								
- Khen thưởng toàn ngành								
- Hoạt động chuyên môn	1.771.430.000	51.223.000	89.778.000	75.673.000	73.927.000	83.654.000	52.767.000	83.378.000
- Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia								
- Hội khoẻ Phù đồng								

- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)								
- Tập huấn cho giáo viên chương trình GDPT mới	1.009.000.000							
Thực hiện Nghị quyết quy định chế độ thưởng, hỗ trợ công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tỉnh Quảng Ninh và một số chính sách ưu đãi đối với Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 (Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)								
Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc								
Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới								
- Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới								
- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/22022 của Chính phủ						280.400.000		

- Kinh phí bổ sung phương tiện phục vụ công tác cho các cơ quan, địa phương (đợt 1)	1.664.000.000							
- Kinh phí thực hiện một số mục tiêu, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm trong thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh	73.200.000							
- Kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2024	600.000.000							
1.3 Chi đảm bảo xã hội								
- Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025								
- Chương trình phòng chống tệ nạn xã hội (Nghị quyết số 314/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020)								
- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh)								
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh								

NỘI DUNG	Chi tiết các đơn vị							
	Trường THPT Tiên Yên	Trường THPT Hải Đảo	Trường THCS và THPT Quảng La	Trường THCS và THPT Quan Lạn	Trường THCS và THPT Hoành Mô	Trường THPT Cô Tô	Trường THPT Bình Liêu	Trường THPT Ba Chẽ
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí								
1. Số thu phí, lệ phí								
- Học phí								
- Thu khác								
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)								
- Học phí								
- Thu khác								
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN								
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	376.663.000	491.132.000	200.200.000	200.200.000	360.550.000	120.100.000	240.400.000	360.500.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	376.663.000	491.132.000	200.200.000	200.200.000	360.550.000	120.100.000	240.400.000	360.500.000
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>								
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>								
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>								

- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ								
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	376.663.000	491.132.000	200.200.000	200.200.000	360.550.000	120.100.000	240.400.000	360.500.000
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	<i>200.300.000</i>	<i>280.400.000</i>	<i>80.000.000</i>	<i>80.000.000</i>	<i>200.300.000</i>	<i>80.000.000</i>	<i>120.200.000</i>	<i>240.300.000</i>
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	<i>176.363.000</i>	<i>210.732.000</i>	<i>120.200.000</i>	<i>120.200.000</i>	<i>160.250.000</i>	<i>40.100.000</i>	<i>120.200.000</i>	<i>120.200.000</i>
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú								
- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT								
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật								
- Khen thưởng toàn ngành								
- Hoạt động chuyên môn	56.163.000	50.482.000						
- Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia								
- Hội khoẻ Phù đồng								
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)								

- Tập huấn cho giáo viên chương trình GDPT mới								
Thực hiện Nghị quyết quy định chế độ thưởng, hỗ trợ công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tỉnh Quảng Ninh và một số chính sách ưu đãi đối với Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 (Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)								
Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc								
Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới								
- Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới								
- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/22022 của Chính phủ	120.200.000	160.250.000	120.200.000	120.200.000	160.250.000	40.100.000	120.200.000	120.200.000
- Kinh phí bổ sung phương tiện phục vụ công tác cho các cơ quan, địa phương (đợt 1)								
- Kinh phí thực hiện một số mục tiêu, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm trong thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh								

- Kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2024								
1.3 Chi đảm bảo xã hội								
- Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025								
- Chương trình phòng chống tệ nạn xã hội (Nghị quyết số 314/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020)								
- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh)								
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh								

NỘI DUNG	Chi tiết các đơn vị				
	Trường PT DTNT THCS và THPTTiên Yên	Trường THCS và THPT Hải Đông	Trường THCS và THPT Đường Hoa Cường	Trường THPT Đầm Hà	Trường PT DTNT THCS và THPT tỉnh
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí					
1. Số thu phí, lệ phí					
- Học phí					
- Thu khác					
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)					
- Học phí					
- Thu khác					
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN					
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	240.300.000	721.000.000	200.300.000	320.400.000	1.920.500.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	240.300.000	721.000.000	200.300.000	320.400.000	1.920.500.000
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>					
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>					
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>					

- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/22022 của Chính phủ					
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	240.300.000	721.000.000	200.300.000	320.400.000	1.920.500.000
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	<i>160.200.000</i>	<i>480.700.000</i>	<i>40.100.000</i>	<i>160.200.000</i>	<i>200.300.000</i>
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	<i>80.100.000</i>	<i>240.300.000</i>	<i>160.200.000</i>	<i>160.200.000</i>	<i>1.720.200.000</i>
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú					
- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT					
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật					
- Khen thưởng toàn ngành					
- Hoạt động chuyên môn					
- Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia					
- Hội khoẻ Phù đồng					
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)					

- Tập huấn cho giáo viên chương trình GDPT mới					
-Thực hiện Nghị quyết quy định chế độ thưởng, hỗ trợ công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tỉnh Quảng Ninh và một số chính sách ưu đãi đối với Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 (Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)					
- Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc					
-Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới					
- Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới					
- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/22022 của Chính phủ	80.100.000	240.300.000	160.200.000	160.200.000	120.200.000
- Kinh phí bổ sung phương tiện phục vụ công tác cho các cơ quan, địa phương (đợt 1)					1.600.000.000
- Kinh phí thực hiện một số mục tiêu, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm trong thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh					

- Kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2024					
1.3 Chi đảm bảo xã hội					
- Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025					
- Chương trình phòng chống tệ nạn xã hội (Nghị quyết số 314/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020)					
- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh)					
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh					